

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG  
&&&**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/DS-ST

Ngày: 3/7/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thạch Việt Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Lê Thị Diễm Huyền

2/ Ông Huỳnh Khởi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Quách Văn Diễn, Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Xuân Mai, Kiểm Sát viên.

Ngày 3 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2020/TLST-DS, ngày 21 tháng 4 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2020/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2020/QĐST-DS, ngày 18/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Ông **Hồ Thanh T**, sinh năm 1963 (vắng mặt).

2/ Bà **Nguyễn Thị Bích G**, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, thị trấn AT, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn H** (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2020, các nguyên đơn ông Hồ Thanh T, bà Nguyễn Thị Bích G trình bày:** Vợ chồng ông bà có cho ông Huỳnh Văn H vay tiền nhiều lần như sau: Ngày 26/01/2020 âm lịch vay 466.000.000 đồng, ngày 01/02/2020 âm lịch vay 3.000.000 đồng và ngày 02/02/2020 âm lịch vay 25.000.000 đồng. Khi vay ông H có làm biên nhận, hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất

5%/tháng. Sau khi vay đến nay ông H không trả vốn, lãi. Nay ông, bà yêu cầu ông H trả cho ông, bà tổng số tiền vay là 494.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn H đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Tại phiên tòa, Kiểm Sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[2] Ông Hồ Thanh T và ông Huỳnh Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn ông H vắng mặt mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bà G và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông T, ông H nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa, trước đây ông Huỳnh Văn H với bà Nguyễn Thị Bích G có hợp tác mua bán sầu riêng. Trong quá trình làm ăn, ông H nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông T, bà G. Đến ngày 26/7/2019 ông H làm giấy mượn tiền bà G 189.000.000 đồng, ngày 27/11/2019 ông H làm giấy mượn tiền bà G 300.000.000 đồng, ngày 26/01/2020 ông H làm giấy mượn tiền bà G 466.000.000 đồng, ngày 01/02/2020 ông H mượn thêm 3.000.000 đồng và ngày 02/02/2020 ông H mượn thêm 25.000.000 đồng. Ba số tiền sau (tổng số nợ là 494.000.000 đồng) được viết chung một giấy mượn tiền. Theo bà G số tiền 189.000.000 đồng và 300.000.000 đồng là do trước đó ông H vay của bà nhiều lần nên đến các ngày nêu trên thì hai bên kết toán, tính sổ chót nợ nên ông H làm giấy mượn tiền cho bà. Sau đó ông H tiếp tục vay tiền bà vào các ngày 26/01/2020, ngày 01/02/2020 và ngày 02/02/2020 âm lịch với tổng số tiền là 494.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả. Nay bà G, ông T yêu cầu ông H trả số nợ trên và tính lãi theo quy định của pháp luật. Trong quá trình Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ, ông H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo lời trình bày của bà Tô Thị X thì bà có trực tiếp thấy ông H nhận tiền vay của bà G nhiều lần, nhưng không rõ mỗi lần nhận là bao nhiêu; ông Nguyễn Văn C, ông Lưu Thanh S là thành viên Tổ hòa giải của ấp H và bà Huỳnh Thị V (là cô ruột ông H) trình bày có biết việc hùn mua bán sầu riêng giữa bà G với ông H,

ông H thiếu nợ nhiều người, không có khả năng trả nên hiện nay ông H đi khỏi tại địa phương. Còn bà Nguyễn Thị Đ, bà Huỳnh Thị K, là mẹ và em gái của ông H không hợp tác cho Tòa án xác minh. Vì vậy, có đầy đủ cơ sở để khẳng định việc ông H có vay tiền bà G và ông T như bà G trình bày nêu trên là có thật, có xảy ra trong thực tế.

[3] Khi tham gia giao dịch các bên đều có năng lực hành vi, tự nguyện giao kết, thỏa thuận với nhau, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình vay nợ, ông H là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của người vay, đã nhận tiền vay nhưng không trả vốn, không đóng lãi. Vì vậy, ông H phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà G tiền vốn vay và lãi theo quy định tại Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 2, Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4] Về lãi suất: Theo các giấy mượn tiền thì không có ghi lãi suất là bao nhiêu, bà G cho rằng các bên thỏa thuận riêng bằng lời nói với lãi suất là 5%/tháng. Từ ngày vay cho đến nay ông H chưa trả lãi cho ông T và bà G, cho nên Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông H có trách nhiệm trả lãi cho ông T và bà G với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) kể từ ngày 02/02/2020 âm lịch (nhằm ngày 24/02/2020 dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/7/2020), cụ thể như sau: Số vốn 494.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 04 tháng 09 ngày = 17.630.857 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 494.000.000 đồng + 17.630.857 đồng = 511.630.857 đồng.

[5] Về án phí: Ông Huỳnh Văn H phải chịu án phí là 24.465.234 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông T, bà G không phải chịu án phí.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự; Điều 2, Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích G.

2/. Buộc ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích G tổng số tiền vốn lãi là 511.630.857 đồng (*Năm trăm mười một triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, tám trăm năm mươi bảy đồng*), trong đó: vốn 494.000.000 đồng và lãi 17.630.857 đồng.

3/. Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4/. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn H phải chịu án phí là 24.465.234 đồng (*Hai mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi bốn đồng*).

Ông Hồ Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích G không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông T, bà G số tiền tạm ứng án phí là 11.880.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002774 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

5/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thạch Viết Tâm**